

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh năm 2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; theo đó, định mức hỗ trợ vốn sự nghiệp 500 triệu đồng/xã;

Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 và Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 241/TTr-STC ngày 07/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi thực hiện các Chính sách của tỉnh về lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh, với số tiền **6.500 triệu đồng**.

Điều 2. Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã để hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021, năm 2024 và kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh năm 2024 theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh, với tổng số tiền **9.500 triệu đồng**. Nguồn kinh phí thực hiện như sau:

- Từ nguồn kinh phí điều chỉnh giảm tại Điều 1 nêu trên.
- Từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2024, với số tiền **3.000 triệu đồng** tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh.

(Chi tiết có các Phụ lục 1, 2 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh. Các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Tuy Phước, Chủ tịch UBND các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCTTT UBND tỉnh N. T. Thanh;
- VPĐP XD NTM tỉnh;
- Lưu VT, K19.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 1

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC ĐƠN VỊ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh (Chi thực hiện các chính sách của tỉnh về lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản và chi khác - vốn sự nghiệp)	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	13.000	9.500	- 6.500	13.000	
	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	10.000	6.500	-6.500	10.000	
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	10.000		-6.500	3.500	
2	Thị xã An Nhơn		1.000		1.000	
3	Thị xã Hoài Nhơn		1.000		1.000	
4	Huyện Tuy Phước		1.500		1.500	
5	Huyện Phù Mỹ		500		500	
6	Huyện Phù Cát		1.500		1.500	
7	Huyện Hoài Ân		500		500	
8	Huyện Tây Sơn		500		500	
	CHI KHÁC	3.000	3.000		3.000	
1	Thị xã An Nhơn		500		500	
2	Huyện Tuy Phước		500		500	
3	Huyện Phù Cát		1.000		1.000	
4	Huyện Hoài Ân		500		500	
5	Huyện Tây Sơn		500		500	

PHỤ LỤC 02
PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024
HỖ TRỢ XÃ THỰC HIỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO, NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
(Thực hiện theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh	Trong đó:											Đầu mối giao kế hoạch vốn
			Nội dung thành phần số 1 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 2 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 3 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 4 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 5 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 6 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 7 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 8 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 9 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 10 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 11 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	
	Tổng cộng	9.500,0	180,0	1.580,0	98,5	-	-	3.179,0	4.137,5	125,0	-	-	200,0	
I	Xã đăng ký thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021	3.000,0	180,0	1.080,0	-	-	-	600,0	1.130,0	10,0	-	-	-	
1	Thị xã An Nhơn													UBND thị xã An Nhơn
	<i>Xã Nhơn Phong</i>	500,0		420,0					80,0					
2	Huyện Tuy Phước													UBND huyện Tuy Phước
	<i>Xã Phước Sơn</i>	500,0							500,0					
3	Huyện Phù Cát													UBND huyện Phù Cát
	<i>Xã Cát Hưng</i>	500,0		150				300	50					
	<i>Xã Cát Minh</i>	500,0	180	210				100		10				
4	Huyện Tây Sơn													UBND huyện Tây Sơn
	<i>Xã Tây Phú</i>	500,0		300				200						
5	Huyện Hoài Ân													UBND huyện Hoài Ân
	<i>Xã Ân Tín</i>	500,0							500,0					

TT	Tên xã, huyện	Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh	Trong đó:											Đầu mối giao kế hoạch vốn
			Nội dung thành phần số 1 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 2 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 3 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 4 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 5 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 6 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 7 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 8 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 9 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 10 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	Nội dung thành phần số 11 (Theo QĐ số 263/QĐ-TTg)	
II	Xã đăng ký thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024	5.500,0	-	-	98,5	-	-	2.459,0	2.692,5	50,0	-	-	200,0	
1	Thị xã An Nhơn													UBND thị xã An Nhơn
	<i>Xã Nhơn Hạnh</i>	500,0						500						
	<i>Xã Nhơn Mỹ</i>	500,0						350	150					
2	Huyện Tuy Phước													UBND huyện Tuy Phước
	<i>Xã Phước Hiệp</i>	500,0							500					
	<i>Xã Phước Lộc</i>	500,0							500					
3	Huyện Phù Cát													UBND huyện Phù Cát
	<i>Xã Cát Nhơn</i>	500,0						450		50				
	<i>Xã Cát Tài</i>	500,0						400	100					
4	Huyện Tây Sơn													UBND huyện Tây Sơn
	<i>Xã Bình Nghi</i>	500,0						300	200					
5	Huyện Hoài Ân													UBND huyện Hoài Ân
	<i>Xã Ân Thạnh</i>	500,0							500					
6	Thị xã Hoài Nhơn													UBND thị xã Hoài Nhơn
	<i>Xã Hoài Châu</i>	500,0						235	265					
	<i>Xã Hoài Mỹ</i>	500,0			98,5			224	177,5					
7	Huyện Phù Mỹ													UBND huyện Phù Mỹ
	<i>Xã Mỹ Trinh</i>	500,0							300			200		

